

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QUỐC TẾ HHIC VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QUỐC TẾ HHIC VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HHIC VIET NAM INTERNATIONAL INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HHIC., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0106931577

3. Ngày thành lập: 10/08/2015

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 37, ngõ 17, phố Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0962 622 229

Fax:

Email: hhinvest.ifno@gmail.com

Website: hhic.com.vn

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
2.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
3.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
4.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
5.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
6.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
7.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
8.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
9.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
10.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
11.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
12.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
13.	Phá dỡ	4311
14.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
15.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
16.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
17.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
18.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
19.	Hoạt động cấp tín dụng khác	6492
20.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663

21.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
22.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
23.	Khai thác và thu gom than non	0520
24.	Khai thác quặng sắt	0710
25.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
26.	Sản xuất than cốc	1910
27.	Tái chế phế liệu	3830
28.	Đại lý du lịch	7911
29.	Điều hành tua du lịch	7912
30.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu	6619
31.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
32.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
33.	Thu gom rác thải độc hại	3812
34.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
35.	Khai thác quặng uranium và quặng thorium	0721
36.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
37.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
38.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
39.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
40.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
41.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
42.	Bán buôn gạo	4631
43.	Bán buôn thực phẩm	4632
44.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
45.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
46.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ các sản phẩm từ nhựa;	4773
47.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;	4669
48.	Bán buôn tổng hợp	4690
49.	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật Chi tiết: Dịch vụ chuyển giao công nghệ; (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	7210
50.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
51.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
52.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011

53.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý;	4610
54.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
55.	Giáo dục nghề nghiệp	8532
56.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
57.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
58.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
59.	Xây dựng nhà các loại	4100
60.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
61.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
62.	Khai thác và thu gom than bùn	0892(Chính)
63.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
64.	Bốc xếp hàng hóa	5224
65.	Khai thác gỗ	0221
66.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
67.	Bán buôn đồ uống	4633
68.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
69.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
70.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
71.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
72.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
73.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
74.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	PHÙNG ĐĂNG HÙNG	Số 22A, đường Hai Bà Trưng, Phường Trảng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	400.000	4.000.000.000	40	011835333	
			Tổng số	400.000	4.000.000.000	40		
2	NGUYỄN HUY HOÀNG	Số 80, phố Yên Bái 2, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	400.000	4.000.000.000	40	B9582888	
			Tổng số	400.000	4.000.000.000	40		
3	TRẦN THU TRANG	Buồng 12, nhà F3, tập thể Trần Hưng Đạo, Phường Đồng Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	5	011857578	
			Tổng số	50.000	500.000.000	5		
4	BÙI TƯỜNG VIỆT	Số nhà 59, đường Nguyễn Văn Linh, Phường Phan Thiết, Thành phố Tuyên Quang, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000	1.500.000.000	15	070750981	
			Tổng số	150.000	1.500.000.000	15		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: TRẦN THU TRANG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Ngày sinh: 05/11/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 011857578

Ngày cấp: 14/12/2006

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Buồng 12, nhà F3, tập thể Trần Hưng Đạo, Phường Đồng Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Buồng 12, nhà F3, tập thể Trần Hưng Đạo, Phường Đồng Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội